

Số: 3603 /SXD-QLN
V/v nhà ở thấp tầng hình thành trong
tương lai tại các lô đất LK-04, LK-05,
LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-
47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51,
BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56,
BT-57, BT-58 thuộc dự án Khu đô thị
Đại An

Hưng Yên, ngày 13 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2.

Sở Xây dựng nhận được Văn bản số LH2/LS/002/2026/CV ngày 08/7/2026 của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2 về việc đề nghị xác nhận đủ điều kiện đưa vào kinh doanh nhà ở thấp tầng hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc dự án Khu đô thị Đại An, cùng hồ sơ kèm theo,

Căn cứ quy định tại Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; khoản 2 Điều 183 Luật Nhà ở năm 2023; Điều 8 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ; hồ sơ kèm theo Văn bản số LH2/LS/002/2026/CV ngày 08/7/2026, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

I. Thông tin về dự án

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc Dự án Khu đô thị Đại An.

2. Địa điểm xây dựng: Tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Đại An đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định: Số 2289/QĐ-UBND ngày 14/10/2019, số 1455/QĐ-UBND ngày 24/6/2021, Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 và số 2720/QĐ-UBND ngày 10/12/2024.

3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2.

- Địa chỉ: Căn TD 6-02, Khu đô thị Đại An, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông: Low Mun Kit Alwin; Quốc tịch: Singapore; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

4. Tiến độ thực hiện dự án: Thực hiện đầu tư xây dựng và đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động trong quý IV/2028.

5. Quy mô sử dụng đất của dự án: 75.096,45 m².

II. Pháp lý của Dự án:

1. Thông tin pháp lý về hồ sơ thủ tục đầu tư của dự án:

- Quyết định số 515/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Đại An.

- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 129/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 31/3/2021, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 21/11/2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3658858017 cấp lần đầu ngày 29/11/2024, điều chỉnh lần thứ 2 ngày 03/7/2026 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp, chứng nhận dự án đầu tư “Dự án đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc Dự án Khu đô thị Đại An”.

2. Thông tin pháp lý về hồ sơ quy hoạch, thiết kế, xây dựng của dự án:

- Về quy hoạch: Dự án Khu đô thị Đại An đã được UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại các Quyết định: Số 2289/QĐ-UBND ngày 14/10/2019, số 1455/QĐ-UBND ngày 24/6/2021, số 1382/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 và Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 10/12/2024.

- Về thiết kế công trình:

+ Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Khu đô thị Đại An đã được Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng thẩm định tại Thông báo số 246/HĐXD-QLDA ngày 06/10/2021; được Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinhomes phê duyệt tại Quyết định số 0521/2021/QĐ-TGĐ-VH ngày 12/10/2021.

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Khu đô thị Đại An đã được Công ty cổ phần Vinhomes thẩm định tại Thông báo số 28/01/2022 ngày 18/01/2022; được Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinhomes phê duyệt tại Quyết định số 00110/2022/QĐ-TGĐ-VH ngày 18/01/2022.

+ Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hạng mục nhà ở thấp tầng thuộc dự án Khu đô thị Đại An đã được Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng thẩm định tại Thông báo số 210/HĐXD-QLDA ngày 26/7/2022; được Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinhomes phê duyệt tại Quyết định số 2807/2022/QĐ-TGĐ-VH ngày 28/7/2022.

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình nhà ở thấp tầng thuộc dự án Khu đô thị Đại An đã được Công ty cổ phần Vinhomes thẩm định tại Thông báo số 28/09/2022 ngày 20/9/2022; được Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinhomes phê duyệt tại Quyết định số 116/2022/QĐ-TGĐ-VH ngày 20/9/2022.

+ Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 đã được

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ thẩm tra tại Báo cáo kết quả thẩm tra số 01/2026/BCTT ngày 19/01/2026; được Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2 thẩm định tại Thông báo số TĐ/LH2/01 ngày 02/02/2026 và phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 01/2026/QĐ-PD/TKCS ngày 14/3/2026.

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 đã được Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ thẩm tra tại Báo cáo kết quả thẩm tra số 10/2026/BCTT ngày 20/3/2026; được Viện Xây dựng Công trình Biển thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 140/2026/TĐ-CTB ngày 31/3/2026; được Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2 phê duyệt tại Quyết định số 02/2026/QĐ-PD/TKBVTC ngày 10/4/2026.

- Về cấp phép xây dựng:

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Khu đô thị Đại An đã được Sở xây dựng tỉnh Hưng Yên cấp Giấy phép xây dựng số 55/GPXD-SXD ngày 01/12/2021.

+ Công trình nhà ở thấp tầng (349 căn) tại dự án đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giấy phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026.

3. Thông tin về đất đai:

Các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc dự án Khu đô thị Đại An đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai và ngày 10/11/2022 đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: số DI 871007 (Lô đất BT-47); số DI 871008 (Lô đất BT-51); số DI 871009 (Lô đất BT-55); số DI 871010 (Lô đất BT-57); số DI 871011 (Lô đất BT-52); số DI 871012 (Lô đất BT-49); số DI 871013 (Lô đất LK-05 và BT-45); số DI 871014 (Lô đất BT-53 và LK-06); số DI 871015 (Lô đất BT-50); số DI 871017 (Lô đất BT-48); số DI 871902 (Lô đất BT-56); số DI 871903 (Lô đất BT-54 và LK-07); số DI 871904 (Lô đất BT-58) và số DC 255500 (Lô đất BT-46 và LK-04).

4. Về công tác nghiệm thu cơ sở hạ tầng kỹ thuật của dự án:

Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu thuộc dự án Khu đô thị Đại An đã được thi công cơ bản hoàn thành. Khu vực thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58) đã được Chủ đầu tư, đơn vị thi công và đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu đường giao thông đến thăm thò; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; hệ thống hạ tầng

kỹ thuật (bao gồm: Cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc) tại các tuyến đường T2, T3, T4A, T11, T12, T13, T14, T18, TD1, TD2, TD3, TD4, TD5, TD6, TD7, TD8, TD9, TD10 tại Biên bản số 01/BBNTHT/OCP3 ngày 10/7/2025 và đảm bảo theo tiến độ dự án đã được phê duyệt.

5. Các văn bản của Ngân hàng:

- Ngày 23/4/2025, Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, trong đó có nội dung tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc Dự án Khu đô thị Đại An.

- Theo Văn bản số 856/2026/CV-CNTPHN ngày 15/4/2026 của VietinBank – Chi nhánh TP. Hà Nội, các lô đất tại “*Dự án đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc dự án Khu đô thị Đại An*” hiện đang được thế chấp tại VietinBank – Chi nhánh TP. Hà Nội để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng hợp vốn số 01/2025/HĐCVDADT/NHCT106-LIGHTHOUSE2 ngày 23/4/2025. VietinBank – Chi nhánh TP. Hà Nội đồng ý để Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2 tiến hành thủ tục xin thông báo huy động vốn với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc nhà ở thuộc khu đất huy động vốn đủ điều kiện được bán, cho thuê mua theo hình thức bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty cần phải thực hiện giải chấp tài sản đảm bảo tại VietinBank – Chi nhánh TP. Hà Nội đối với các nhà ở dự kiến sẽ ký hợp đồng mua bán trừ trường hợp được VietinBank – Chi nhánh TP. Hà Nội chấp thuận bằng văn bản.

- Theo Văn bản số 855/2026/CV-CNTPHN ngày 15/4/2026 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội, tính đến thời điểm ngày 15/4/2026, Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2 không có nợ quá hạn tại VietinBank – Chi nhánh TP. Hà Nội và không có phát sinh tranh chấp với VietinBank – Chi nhánh TP. Hà Nội về việc thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp đã ký kết tại VietinBank – Chi nhánh TP. Hà Nội, đồng thời VietinBank – Chi nhánh TP. Hà Nội chưa nhận được bất kỳ Quyết định/Thông báo nào từ cơ quan có thẩm quyền về việc dự án “*Đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc Dự án Khu đô thị Đại An*” và các tài sản khác thuộc dự án bị tranh chấp, kê biên, cấm giao dịch, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ giao dịch.

III. Thông tin về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua

- Loại sản phẩm: Nhà ở thấp tầng.
- Số lượng sản phẩm dự kiến đưa vào kinh doanh: Tổng số 349 nhà ở thấp tầng. Trong đó: 92 nhà ở liền kề và 257 nhà ở biệt thự (*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm dưới đây*).

IV. Điều kiện của nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng để được bán, cho thuê mua

Nhà ở thấp tầng hình thành trong tương lai tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc dự án Khu đô thị Đại An với tổng số 349 nhà ở thấp tầng (*theo Phụ lục đính kèm dưới đây*) do Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2 thực hiện đủ điều kiện của nhà ở hình thành trong tương lai được đưa vào kinh doanh theo quy định tại Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, cụ thể:

1. Nhà ở, công trình xây dựng đã được khởi công xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng:

Chủ đầu tư đã có Thông báo số 024/2022/CV-VH ngày 08/02/2022 về khởi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Khu đô thị Đại An; Thông báo số LH2/2025/TBKC ngày 30/6/2026 về khởi công xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc dự án Khu đô thị Đại An.

2. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

Các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc dự án Khu đô thị Đại An đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai và ngày 10/11/2022 đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: số DI 871007 (Lô đất BT-47); số DI 871008 (Lô đất BT-51); số DI 871009 (Lô đất BT-55); số DI 871010 (Lô đất BT-57); số DI 871011 (Lô đất BT-52); số DI 871012 (Lô đất BT-49); số DI 871013 (Lô đất LK-05 và BT-45); số DI 871014 (Lô đất BT-53 và LK-06); số DI 871015 (Lô đất BT-50); số DI 871017 (Lô đất BT-48); số DI 871902 (Lô đất BT-56); số DI 871903 (Lô đất BT-54 và LK-07); số DI 871904 (Lô đất BT-58) và số DC 255500 (Lô đất BT-46 và LK-04).

3. Giấy phép xây dựng nhà ở, công trình xây dựng:

- Công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Khu đô thị Đại An đã được Sở xây dựng tỉnh Hưng Yên cấp Giấy phép xây dựng số 55/GPXD-SXD ngày 01/12/2021.

+ Công trình nhà ở thấp tầng (349 căn) tại dự án đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 đã

được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giấy phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026.

4. Về công tác nghiệm thu cơ sở hạ tầng kỹ thuật của dự án:

Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu thuộc dự án Khu đô thị Đại An đã được thi công cơ bản hoàn thành. Khu vực thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 đã được Chủ đầu tư, đơn vị thi công và đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu đường giao thông đến thăm thồ; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; hệ thống hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: Cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc) tại các tuyến đường T2, T3, T4A, T11, T12, T13, T14, T18, TD1, TD2, TD3, TD4, TD5, TD6, TD7, TD8, TD9, TD10 tại Biên bản số 01/BBNTH/OC3 ngày 10/7/2025 và đảm bảo theo tiến độ dự án đã được phê duyệt.

5. Nhà ở, công trình xây dựng phải nằm trong dự án bất động sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật và trong nội dung dự án được chấp thuận có mục đích đầu tư xây dựng nhà ở, công trình xây dựng để bán, cho thuê mua:

Dự án đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3658858017 cấp lần đầu ngày 29/11/2024, thay đổi lần thứ 2 ngày 03/7/2026 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp, trong đó có nêu rõ mục tiêu dự án là: ***“Đầu tư xây dựng các công trình nhà ở để bán, cho thuê mua, cho thuê tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc dự án Khu đô thị Đại An”***.

6. Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1, điểm a và điểm c khoản 2 Điều 14 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023:

- Theo Văn bản số 855/2026/CV-CNTPHN ngày 15/4/2026 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội, tính đến thời điểm ngày 15/4/2026, VietinBank – Chi nhánh TP. Hà Nội chưa nhận được bất kỳ Quyết định/Thông báo nào từ cơ quan có thẩm quyền về việc dự án ***“Đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc Dự án Khu đô thị Đại An”*** và các tài sản khác thuộc dự án bị tranh chấp, kê biên, cầm giao dịch, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ giao dịch.

Đến thời điểm này, Sở Xây dựng cũng chưa nhận được Quyết định/Thông báo nào từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc Dự án và các tài sản khác thuộc Dự án bị tranh chấp, kê biên, cầm giao dịch, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ giao dịch đối với Chủ đầu tư là Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2.

- Dự án Khu đô thị Đại An đã được UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại các Quyết định: Số 2289/QĐ-UBND ngày 14/10/2019, số 1455/QĐ-UBND ngày 24/6/2021, số 1382/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 và số 2720/QĐ-UBND ngày 10/12/2024; đã được UBND tỉnh giao đất cho Công ty Cổ phần Vinhomes tại các Quyết định: Số 2659/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 (lần 1), số 2236/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 (lần 2), số 572/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 (lần 3); đã được Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên cấp Giấy phép xây dựng số 55/GPXD-SXD ngày 01/12/2021 (*công trình hạ tầng kỹ thuật*); Chủ đầu tư dự án cam kết triển khai xây dựng dự án theo đúng tiến độ, quy hoạch, thiết kế và giấy phép xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc dự án Khu đô thị Đại An đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai và ngày 10/11/2022 đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: số DI 871007 (Lô đất BT-47); số DI 871008 (Lô đất BT-51); số DI 871009 (Lô đất BT-55); số DI 871010 (Lô đất BT-57); số DI 871011 (Lô đất BT-52); số DI 871012 (Lô đất BT-49); số DI 871013 (Lô đất LK-05 và BT-45); số DI 871014 (Lô đất BT-53 và LK-06); số DI 871015 (Lô đất BT-50); số DI 871017 (Lô đất BT-48); số DI 871902 (Lô đất BT-56); số DI 871903 (Lô đất BT-54 và LK-07); số DI 871904 (Lô đất BT-58) và số DC 255500 (Lô đất BT-46 và LK-04).

7. Đã được công khai thông tin về bất động sản, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh theo quy định tại Điều 6 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

Chủ đầu tư đã công khai thông tin về bất động sản, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh trên trang thông tin.

V. Trách nhiệm, yêu cầu đối với chủ đầu tư dự án

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về tính chuẩn xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm hồ sơ đã cung cấp cho Sở Xây dựng. Cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ xem xét các nội dung, thành phần hồ sơ với các quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ; không xem xét và chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục, nội dung, thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy.

2. Chịu trách nhiệm về bảo đảm nhà ở hình thành trong tương lai tại Dự án đáp ứng đủ điều kiện để được bán, cho thuê mua theo quy định tại Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023:

- Thực hiện việc kinh doanh nhà ở tuân thủ theo đúng các quy định tại Điều 22, Điều 25, Điều 27, Điều 46 của Luật kinh doanh bất động sản năm 2023; Điều 12 của Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024.

- Liên hệ với Ngân hàng thương mại có đủ năng lực theo danh sách công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định để được cấp bảo lãnh nghĩa vụ tài chính của Chủ đầu tư đối với khách hàng mua nhà khi ký hợp đồng mua, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai được quy định tại Điều 26 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

- Sử dụng mẫu và thực hiện hợp đồng bán nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định của pháp luật.

- Sử dụng tiền đã thu từ bên mua, thuê mua để đầu tư xây dựng dự án, nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng đã bán, cho thuê mua đúng mục đích sử dụng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết; tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

- Việc thanh toán trong mua bán nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng hình thành trong tương lai thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

- Bàn giao nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai theo quy định tại Điều 27 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Chủ đầu tư dự án, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bất động sản nhận tiền thanh toán theo hợp đồng kinh doanh bất động sản, hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản từ khách hàng thông qua tài khoản mở tại tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Ký hợp đồng mua bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai tuân thủ quy định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản:

- Các lô đất tại dự án đầu tư xây dựng các công trình tại các lô đất LK-04, LK-05, LK-06, LK-07, BT-45, BT-46, BT-47, BT-48, BT-49, BT-50, BT-51, BT-52, BT-53, BT-54, BT-55, BT-56, BT-57, BT-58 thuộc Dự án Khu đô thị Đại An hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2025/HĐCVDADT/NHCT106-LIGHTHOUSE2 ngày 23/4/2025 giữa Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội. Ngày 15/4/2026, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội đã có Văn bản số 856/2026/CV-CNTPHN, trong đó có nội dung đồng ý để Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2 tiến hành thủ tục xin thông báo huy động vốn với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2 đã có Văn bản số LH2/LS/003/2026/CV ngày 08/7/2026 cam kết giải chấp các lô đất, nhà ở thấp tầng theo quy định tại Điều 183 Luật Nhà ở năm 2023 trước khi ký kết hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai đối với khách hàng.

Yêu cầu Chủ đầu tư phải giải chấp lô đất, nhà ở thấp tầng theo quy định tại Điều 183 Luật Nhà ở năm 2023 trước khi ký kết hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai với khách hàng.

- Thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 8, điểm k khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 23 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

- Công khai thông tin về bất động sản được đưa vào kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật kinh doanh bất động sản năm 2023, Điều 4 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 trước khi ký hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai với khách hàng.

VI. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án được quy định trong các Luật: Kinh doanh bất động sản, Nhà ở, Đất đai, Xây dựng, Đầu tư, Bảo vệ Môi trường và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Ký hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở đảm bảo đúng đối tượng theo quy định; sử dụng nguồn vốn đã huy động vào đúng mục đích xây dựng nhà ở tại dự án đó; nghiêm cấm chủ đầu tư huy động vượt quá số tiền mua, thuê mua nhà ở được ứng trước của khách hàng theo quy định của pháp luật; trường hợp sử dụng sai mục đích nguồn vốn huy động hoặc chiếm dụng vốn đã huy động hoặc huy động vượt quá số tiền mua, thuê mua nhà ở ứng trước của khách hàng thì phải hoàn trả lại số tiền đã huy động sai quy định, phải bồi thường (nếu gây thiệt hại) và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; trường hợp chủ đầu tư ký hợp đồng mua bán nhà ở với tổ chức, cá nhân nước ngoài thì chủ đầu tư chỉ được thực hiện khi đáp ứng các yêu cầu quy định tại: Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Luật Nhà ở năm 2023; các Điều 5, 6 và Điều 7 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng tiến độ đã được phê duyệt, tổ chức thực hiện dự án đầu tư, huy động vốn, kinh doanh bất động sản theo đúng quy định của pháp luật và cam kết của chủ đầu tư tại Văn bản số LH2/LS/003/2026/CV ngày 08/7/2026; chịu trách nhiệm về chất lượng công trình xây dựng, về đảm bảo PCCC đối với công trình theo quy định; chỉ thực hiện bàn giao nhà cho người mua nhà khi công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành. Chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng công trình và hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của dự án đảm bảo đồng bộ, kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực theo quy hoạch và tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành giai đoạn, hoàn thành công trình xây dựng theo quy định.

- Thực hiện việc đánh số, gắn biển số nhà và biển chỉ dẫn công cộng đối với công trình theo quy định.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thống nhất với khách hàng trong hợp đồng mua, thuê, thuê mua nhà ở về điều khoản quyền lợi, nghĩa vụ của các bên (hoàn trả lại tiền mua nhà, bồi thường, ...) trong trường hợp công trình xây dựng phải điều chỉnh theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng Quý về cơ sở dữ liệu của dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 19; Điều 15; khoản 1, khoản 2 Điều 16; Điều 18; khoản 1, khoản 2 Điều 30, Nghị định số 357/2025/NĐ-CP ngày 31/ 12 /2025 của Chính phủ về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; gửi Sở Xây dựng để cập nhật, tổng hợp, theo dõi và kiểm tra hướng dẫn thực hiện theo thẩm quyền.

- Công khai thông tin về bất động sản được đưa vào kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật kinh doanh bất động sản năm 2023, Điều 4 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 trước khi ký hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai với khách hàng.

Sở Xây dựng thông báo để Công ty TNHH Đầu tư Phát triển bất động sản Lighthouse 2 biết, tổ chức thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận: 

- Như trên (tại Trung tâm PVHCC và KSTTHC tỉnh);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Như Quỳnh;
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hà Nội;
- Lưu: VT, QL^{Tr}.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ký bởi: SỞ XÂY DỰNG
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN
Thời gian ký: 13/07/2026 15:16:07



Lưu Văn Dương



Ký bởi: SỞ XÂY DỰNG
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HUNG YEN
Thời gian ký: 13/07/2026 15:16:07

PHỤ LỤC

(Kèm theo Văn bản số 3603/SXD-QLN ngày 13/7/2026)

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
1	BT-45	BT45-2	SD1.M	TV45-2	180.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871013 ngày 10/11/2022
2	BT-45	BT45-3	SD1	TV45-3	180.00	
3	BT-45	BT45-4	SD1.M	TV45-4	180.00	
4	BT-45	BT45-5	SD1	TV45-5	180.00	
5	BT-45	BT45-6	SD1.M	TV45-6	180.00	
6	BT-45	BT45-7	SD1	TV45-7	180.00	
7	BT-45	BT45-8	SD1.M	TV45-8	180.00	
8	BT-45	BT45-9	SD1	TV45-9	180.00	
9	BT-45	BT45-10	SD1.M	TV45-10	180.00	
10	BT-45	BT45-11	SD1	TV45-11	180.00	
11	BT-45	BT45-12	SD2.M	TV45-12	165.00	
12	BT-45	BT45-13	SD2	TV45-13	165.00	
13	BT-45	BT45-14	SD2.M	TV45-14	165.00	
14	BT-45	BT45-15	SD2	TV45-15	165.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
15	BT-46	BT46-1	DV1.M	DV46-1	291.76	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC255500 ngày 10/11/2022
16	BT-46	BT46-2	SD3.M	TV46-2	153.75	
17	BT-46	BT46-3	SD3	TV46-3	153.75	
18	BT-46	BT46-4	SD3.M	TV46-4	153.75	
19	BT-46	BT46-5	SD3	TV46-5	153.75	
20	BT-46	BT46-6	SD1.M	TV46-6	180.00	
21	BT-46	BT46-7	SD1	TV46-7	180.00	
22	BT-46	BT46-8	SD1.M	TV46-8	180.00	
23	BT-46	BT46-9	SD1	TV46-9	180.00	
24	BT-46	BT46-10	SD1.M	TV46-10	180.00	
25	BT-46	BT46-11	SD1	TV46-11	180.00	
26	BT-46	BT46-12	SD1.M	TV46-12	180.00	
27	BT-46	BT46-13	SD1	TV46-13	180.00	
28	BT-46	BT46-14	SD1.M	TV46-14	180.00	
29	BT-46	BT46-15	SD1	TV46-15	180.00	
30	BT-46	BT46-16	SD1.M	TV46-16	180.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
31	BT-46	BT46-17	SD1	TV46-17	180.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC255500 ngày 10/11/2022
32	BT-46	BT46-18	SD1.M	TV46-18	180.00	
33	BT-46	BT46-19	SD1	TV46-19	180.00	
34	BT-45	BT45-1	CB		1091.60	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871013 ngày 10/11/2022
35	BT-47	BT47-2	SD1.M	TV47-2	187.50	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871007 ngày 10/11/2022
36	BT-47	BT47-3	SD1	TV47-3	187.50	
37	BT-47	BT47-4	SD1.M	TV47-4	187.50	
38	BT-47	BT47-5	SD1	TV47-5	187.50	
39	BT-47	BT47-6	SD1.M	TV47-6	187.50	
40	BT-47	BT47-7	SD1	TV47-7	187.50	
41	BT-47	BT47-8	SD1.M	TV47-8	180.00	
42	BT-47	BT47-9	SD1	TV47-9	180.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
43	BT-47	BT47-11	SD1.M	TV47-11	187.50	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871007 ngày 10/11/2022
44	BT-47	BT47-12	SD1	TV47-12	187.50	
45	BT-47	BT47-13	SD1.M	TV47-13	187.50	
46	BT-47	BT47-14	SD1	TV47-14	187.50	
47	BT-47	BT47-15	SD1.M	TV47-15	187.50	
48	BT-47	BT47-16	SD1	TV47-16	187.50	
49	BT-47	BT47-17	SD1.M	TV47-17	183.75	
50	BT-47	BT47-18	SD1	TV47-18	183.75	
51	BT-47	BT47-20	SD2.M	TV47-20	172.50	
52	BT-47	BT47-21	SD2	TV47-21	172.50	
53	BT-47	BT47-22	SD1.M	TV47-22	180.00	
54	BT-47	BT47-23	SD1	TV47-23	180.00	
55	BT-47	BT47-24	SD1.M	TV47-24	180.00	
56	BT-47	BT47-25	SD1	TV47-25	180.00	
57	BT-47	BT47-26	SD1.M	TV47-26	180.00	
58	BT-47	BT47-27	SD1	TV47-27	180.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
59	BT-47	BT47-28	SD1.M	TV47-28	180.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871007 ngày 10/11/2022
60	BT-47	BT47-29	SD1	TV47-29	180.00	
61	BT-47	BT47-30	SD1.M	TV47-30	187.50	
62	BT-47	BT47-31	SD1	TV47-31	187.50	
63	BT-47	BT47-32	SD1.M	TV47-32	187.50	
64	BT-47	BT47-33	SD1	TV47-33	187.50	
65	BT-47	BT47-34	SD1.M	TV47-34	187.50	
66	BT-47	BT47-35	SD1	TV47-35	187.50	
67	BT-48	BT48-1	DV1.M	DV48-1	291.76	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871017 ngày 10/11/2022
68	BT-48	BT48-2	DV1.M	DV48-2	255.00	
69	BT-48	BT48-3	DV1.M	DV48-3	255.00	
70	BT-48	BT48-4	DV1.M	DV48-4	255.00	
71	BT-48	BT48-5	DV1.M	DV48-5	255.00	
72	BT-48	BT48-6	DV1.M	DV48-6	255.00	
73	BT-48	BT48-7	DV1.M	DV48-7	255.00	
74	BT-48	BT48-9	DV1	DV48-9	255.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
75	BT-48	BT48-10	DV1	DV48-10	255.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871017 ngày 10/11/2022
76	BT-48	BT48-11	DV1	DV48-11	255.00	
77	BT-48	BT48-12	DV1	DV48-12	255.00	
78	BT-48	BT48-13	DV1	DV48-13	255.00	
79	BT-48	BT48-14	DV1	DV48-14	255.00	
80	BT-48	BT48-16	DV1.M	DV48-16	255.00	
81	BT-48	BT48-17	DV1.M	DV48-17	255.00	
82	BT-48	BT48-18	DV1.M	DV48-18	255.00	
83	BT-48	BT48-19	DV1.M	DV48-19	255.00	
84	BT-48	BT48-20	DV1.M	DV48-20	255.00	
85	BT-48	BT48-21	DV1.M	DV48-21	255.00	
86	BT-48	BT48-22	DV1	DV48-22	255.00	
87	BT-48	BT48-23	DV1	DV48-23	255.00	
88	BT-48	BT48-24	DV1	DV48-24	255.00	
89	BT-48	BT48-25	DV1	DV48-25	255.00	
90	BT-48	BT48-26	DV1	DV48-26	255.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
91	BT-48	BT48-27	DV1	DV48-27	255.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871017 ngày 10/11/2022
92	BT-48	BT48-28	DV1	DV48-28	291.76	
93	BT-49	BT49-2	DV1.M	DV49-2	255.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871012 ngày 10/11/2022
94	BT-49	BT49-3	SD1.M	TV49-3	180.00	
95	BT-49	BT49-4	SD1	TV49-4	180.00	
96	BT-49	BT49-5	SD1.M	TV49-5	180.00	
97	BT-49	BT49-6	SD1	TV49-6	180.00	
98	BT-49	BT49-7	SD1.M	TV49-7	180.00	
99	BT-49	BT49-8	SD1	TV49-8	180.00	
100	BT-49	BT49-10	SD1.M	TV49-10	180.00	
101	BT-49	BT49-11	SD1	TV49-11	180.00	
102	BT-49	BT49-12	SD3.M	TV49-12	156.00	
103	BT-49	BT49-13	SD3	TV49-13	156.00	
104	BT-49	BT49-15	SD3.M	TV49-15	156.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
105	BT-49	BT49-16	SD3	TV49-16	156.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871012 ngày 10/11/2022
106	BT-49	BT49-17	SD1.M	TV49-17	180.00	
107	BT-49	BT49-18	SD1	TV49-18	180.00	
108	BT-49	BT49-19	SD1.M	TV49-19	180.00	
109	BT-49	BT49-20	SD1	TV49-20	180.00	
110	BT-49	BT49-21	SD1.M	TV49-21	180.00	
111	BT-49	BT49-22	SD1	TV49-22	180.00	
112	BT-49	BT49-23	SD1.M	TV49-23	180.00	
113	BT-49	BT49-24	SD1	TV49-24	180.00	
114	BT-49	BT49-25	DV1	DV49-25	255.00	
115	BT-50	BT50-1	DV1.M	DV50-1	291.76	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871015 ngày 10/11/2022
116	BT-50	BT50-2	DV1.M	DV50-2	255.00	
117	BT-50	BT50-3	DV1.M	DV50-3	255.00	
118	BT-50	BT50-4	DV1.M	DV50-4	255.00	
119	BT-50	BT50-5	DV1.M	DV50-5	255.00	
120	BT-50	BT50-6	DV1.M	DV50-6	255.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
121	BT-50	BT50-7	DV1.M	DV50-7	255.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871015 ngày 10/11/2022
122	BT-50	BT50-9	DV1	DV50-9	255.00	
123	BT-50	BT50-10	DV1	DV50-10	255.00	
124	BT-50	BT50-11	DV1	DV50-11	255.00	
125	BT-50	BT50-12	DV1	DV50-12	255.00	
126	BT-50	BT50-13	DV1	DV50-13	255.00	
127	BT-50	BT50-14	DV1	DV50-14	255.00	
128	BT-50	BT50-16	DV1.M	DV50-16	255.00	
129	BT-50	BT50-17	DV1.M	DV50-17	255.00	
130	BT-50	BT50-18	DV1.M	DV50-18	255.00	
131	BT-50	BT50-19	DV1.M	DV50-19	255.00	
132	BT-50	BT50-20	DV1.M	DV50-20	255.00	
133	BT-50	BT50-21	DV1.M	DV50-21	255.00	
134	BT-50	BT50-22	DV1	DV50-22	255.00	
135	BT-50	BT50-23	DV1	DV50-23	255.00	
136	BT-50	BT50-24	DV1	DV50-24	255.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
137	BT-50	BT50-25	DV1	DV50-25	255.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871015 ngày 10/11/2022
138	BT-50	BT50-26	DV1	DV50-26	255.00	
139	BT-50	BT50-27	DV1	DV50-27	255.00	
140	BT-50	BT50-28	DV1	DV50-28	291.76	
141	BT-51	BT51-1	DV2	DV51-1	306.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871008 ngày 10/11/2022
142	BT-51	BT51-2	DV2	DV51-2	306.00	
143	BT-51	BT51-3	DV2	DV51-3	306.00	
144	BT-51	BT51-4	DV2	DV51-4	306.00	
145	BT-51	BT51-5	DV2	DV51-5	306.00	
146	BT-51	BT51-6	DV2	DV51-6	306.00	
147	BT-51	BT51-7	DV2	DV51-7	306.00	
148	BT-51	BT51-8	DV2	DV51-8	306.00	
149	BT-51	BT51-9	DV2	DV51-9	306.00	
150	BT-52	BT52-1	DV2.M	DV52-1	306.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871011 ngày
151	BT-52	BT52-2	DV2.M	DV52-2	306.00	
152	BT-52	BT52-3	DV2.M	DV52-3	306.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
						10/11/2022
153	BT-52	BT52-4	DV2.M	DV52-4	306.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871011 ngày 10/11/2022
154	BT-52	BT52-5	DV2.M	DV52-5	324.00	
155	BT-52	BT52-6	DV2.M	DV52-6	306.00	
156	BT-52	BT52-8	DV2.M	DV52-8	324.00	
157	BT-52	BT52-9	DV2.M	DV52-9	324.00	
158	BT-52	BT52-10	DV2.M	DV52-10	324.00	
159	BT-52	BT52-11	DV2.M	DV52-11	324.00	
160	BT-52	BT52-12	DV2.M	DV52-12	324.00	
161	BT-52	BT52-13	DV2.M	DV52-13	324.00	
162	BT-53	BT53-1	SD4	TV53-1	180.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871014 ngày 10/11/2022
163	BT-53	BT53-2	SD4.M	TV53-2	180.00	
164	BT-53	BT53-3	SD4	TV53-3	180.00	
165	BT-53	BT53-4	SD4.M	TV53-4	180.00	
166	BT-53	BT53-5	SD4	TV53-5	180.00	
167	BT-53	BT53-6	SD4.M	TV53-6	180.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
168	BT-53	BT53-7	SD4	TV53-7	180.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871014 ngày 10/11/2022
169	BT-53	BT53-8	SD4.M	TV53-8	180.00	
170	BT-53	BT53-9	SD4	TV53-9	180.00	
171	BT-53	BT53-10	SD4.M	TV53-10	180.00	
172	BT-53	BT53-11	SD4	TV53-11	180.00	
173	BT-53	BT53-12	SD4.M	TV53-12	180.00	
174	BT-53	BT53-13	SD5	TV53-13	150.00	
175	BT-53	BT53-14	SD5.M	TV53-14	150.00	
176	BT-53	BT53-15	DV3.M	DV53-15	255.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871903 ngày 10/11/2022
177	BT-54	BT54-2	SD5	TV54-2	153.75	
178	BT-54	BT54-3	SD5.M	TV54-3	153.75	
179	BT-54	BT54-4	SD5	TV54-4	153.75	
180	BT-54	BT54-5	SD5.M	TV54-5	153.75	
181	BT-54	BT54-6	SD4	TV54-6	180.00	
182	BT-54	BT54-7	SD4.M	TV54-7	180.00	
183	BT-54	BT54-8	SD4	TV54-8	180.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
184	BT-54	BT54-9	SD4.M	TV54-9	180.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871903 ngày 10/11/2022
185	BT-54	BT54-10	SD4	TV54-10	180.00	
186	BT-54	BT54-11	SD4.M	TV54-11	180.00	
187	BT-54	BT54-12	SD4	TV54-12	180.00	
188	BT-54	BT54-13	SD4.M	TV54-13	180.00	
189	BT-54	BT54-14	SD4	TV54-14	180.00	
190	BT-54	BT54-15	SD4.M	TV54-15	180.00	
191	BT-54	BT54-16	SD4	TV54-16	180.00	
192	BT-54	BT54-17	SD4.M	TV54-17	180.00	
193	BT-54	BT54-18	SD4	TV54-18	180.00	
194	BT-54	BT54-19	SD4.M	TV54-19	180.00	
195	BT-55	BT55-2	DV3.M	DV55-2	255.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871009 ngày 10/11/2022
196	BT-55	BT55-3	DV3.M	DV55-3	255.00	
197	BT-55	BT55-4	DV3.M	DV55-4	255.00	
198	BT-55	BT55-5	DV3.M	DV55-5	255.00	
199	BT-55	BT55-6	DV3.M	DV55-6	255.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
200	BT-55	BT55-8	DV3	DV55-8	255.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871009 ngày 10/11/2022
201	BT-55	BT55-9	DV3	DV55-9	255.00	
202	BT-55	BT55-10	DV3	DV55-10	255.00	
203	BT-55	BT55-11	DV3	DV55-11	255.00	
204	BT-55	BT55-12	DV3	DV55-12	255.00	
205	BT-55	BT55-14	DV3.M	DV55-14	254.16	
206	BT-55	BT55-15	DV3.M	DV55-15	255.00	
207	BT-55	BT55-16	DV3.M	DV55-16	255.00	
208	BT-55	BT55-17	DV3.M	DV55-17	255.00	
209	BT-55	BT55-18	DV3.M	DV55-18	255.00	
210	BT-55	BT55-19	DV3	DV55-19	255.00	
211	BT-55	BT55-20	DV3	DV55-20	255.00	
212	BT-55	BT55-21	DV3	DV55-21	255.00	
213	BT-55	BT55-22	DV3	DV55-22	255.00	
214	BT-55	BT55-23	DV3	DV55-23	255.00	
215	BT-56	BT56-2	DV3	DV56-2	270.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
216	BT-56	BT56-3	DV3	DV56-3	255.00	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871902 ngày 10/11/2022
217	BT-56	BT56-4	DV3	DV56-4	255.00	
218	BT-56	BT56-5	DV3	DV56-5	255.00	
219	BT-56	BT56-6	DV3	DV56-6	270.00	
220	BT-56	BT56-8	DV3	DV56-8	255.00	
221	BT-56	BT56-9	DV3	DV56-9	255.00	
222	BT-56	BT56-10	DV3	DV56-10	255.00	
223	BT-56	BT56-11	DV3	DV56-11	255.00	
224	BT-56	BT56-12	DV3	DV56-12	255.00	
225	BT-56	BT56-13	DV3	DV56-13	255.00	
226	BT-56	BT56-15	DV3.M	DV56-15	255.00	
227	BT-56	BT56-16	DV3.M	DV56-16	255.00	
228	BT-56	BT56-17	DV3.M	DV56-17	255.00	
229	BT-56	BT56-18	DV3.M	DV56-18	255.00	
230	BT-56	BT56-19	DV3.M	DV56-19	255.00	
231	BT-56	BT56-20	DV3.M	DV56-20	255.00	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
232	BT-56	BT56-21	DV3.M	DV56-21	270.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871902 ngày 10/11/2022
233	BT-56	BT56-22	DV3.M	DV56-22	255.00	
234	BT-56	BT56-23	DV3.M	DV56-23	255.00	
235	BT-56	BT56-24	DV3.M	DV56-24	255.00	
236	BT-56	BT56-25	DV3.M	DV56-25	270.00	
237	BT-57	BT57-1	DV4.M	DV57-1	306.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871010 ngày 10/11/2022
238	BT-57	BT57-2	DV4.M	DV57-2	306.00	
239	BT-57	BT57-3	DV4.M	DV57-3	306.00	
240	BT-57	BT57-4	DV4.M	DV57-4	306.00	
241	BT-57	BT57-5	DV4.M	DV57-5	306.00	
242	BT-57	BT57-6	DV4.M	DV57-6	306.00	
243	BT-57	BT57-7	DV4.M	DV57-7	306.00	
244	BT-57	BT57-8	DV4.M	DV57-8	306.00	
245	BT-57	BT57-9	DV4.M	DV57-9	306.00	
246	BT-57	BT57-10	DV4	DV57-10	288.00	
247	BT-58	BT58-2	DV4	DV58-2	306.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
248	BT-58	BT58-3	DV4	DV58-3	306.00	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871904 ngày 10/11/2022
249	BT-58	BT58-4	DV4	DV58-4	306.00	
250	BT-58	BT58-5	DV4	DV58-5	306.00	
251	BT-58	BT58-6	DV4	DV58-6	306.00	
252	BT-58	BT58-7	DV4	DV58-7	306.00	
253	BT-58	BT58-8	DV4	DV58-8	306.00	
254	BT-58	BT58-9	DV4	DV58-9	306.00	
255	BT-58	BT58-10	DV4	DV58-10	306.00	
256	BT-58	BT58-11	DV4	DV58-11	306.00	
257	BT-58	BT58-12	DV4	DV58-12	324.00	
258	LK-04	LK4-1	SH3.M	SH4-1	132.02	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC255500 ngày 10/11/2022
259	LK-04	LK4-2	SH1.M	SH4-2	115.50	
260	LK-04	LK4-3	SH1.M	SH4-3	115.50	
261	LK-04	LK4-4	SH1.M	SH4-4	115.50	
262	LK-04	LK4-5	SH1.M	SH4-5	115.50	
263	LK-04	LK4-6	SH1.M	SH4-6	115.50	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
264	LK-04	LK4-7	SH2	SH4-7	160.50	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC255500 ngày 10/11/2022
265	LK-04	LK4-8	SH2.M	SH4-8	160.50	
266	LK-04	LK4-9	SH1.M	SH4-9	115.50	
267	LK-04	LK4-10	SH1.M	SH4-10	115.50	
268	LK-04	LK4-11	SH1.M	SH4-11	115.50	
269	LK-04	LK4-12	SH1.M	SH4-12	115.50	
270	LK-04	LK4-13	SH1.M	SH4-13	115.50	
271	LK-04	LK4-14	SH2	SH4-14	160.50	
272	LK-04	LK4-15	SH2.M	SH4-15	160.50	
273	LK-04	LK4-16	SH1.M	SH4-16	115.50	
274	LK-04	LK4-17	SH1.M	SH4-17	115.50	
275	LK-04	LK4-18	SH1.M	SH4-18	115.50	
276	LK-04	LK4-19	SH1.M	SH4-19	115.50	
277	LK-04	LK4-20	SH1.M	SH4-20	115.50	
278	LK-04	LK4-21	SH2	SH4-21	160.50	
279	LK-04	LK4-22	SH2.M	SH4-22	160.50	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
280	LK-04	LK4-23	SH1.M	SH4-23	115.50	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC255500 ngày 10/11/2022
281	LK-04	LK4-24	SH1.M	SH4-24	115.50	
282	LK-04	LK4-25	SH1.M	SH4-25	115.50	
283	LK-04	LK4-26	SH1.M	SH4-26	115.50	
284	LK-04	LK4-27	SH2	SH4-27	115.50	
285	LK-05	LK5-1	SH2.M	SH5-1	165.00	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871013 ngày 10/11/2022
286	LK-05	LK5-2	SH1	SH5-2	115.50	
287	LK-05	LK5-3	SH1	SH5-3	115.50	
288	LK-05	LK5-4	SH1	SH5-4	115.50	
289	LK-05	LK5-5	SH1	SH5-5	115.50	
290	LK-05	LK5-6	SH2	SH5-6	160.50	
291	LK-05	LK5-7	SH2.M	SH5-7	160.50	
292	LK-05	LK5-8	SH1	SH5-8	115.50	
293	LK-05	LK5-9	SH1	SH5-9	115.50	
294	LK-05	LK5-10	SH1	SH5-10	115.50	
295	LK-05	LK5-11	SH1	SH5-11	115.50	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
296	LK-05	LK5-12	SH1	SH5-12	115.50	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871013 ngày 10/11/2022
297	LK-05	LK5-13	SH2	SH5-13	160.50	
298	LK-05	LK5-14	SH2.M	SH5-14	160.50	
299	LK-05	LK5-15	SH1	SH5-15	115.50	
300	LK-05	LK5-16	SH1	SH5-16	115.50	
301	LK-05	LK5-17	SH1	SH5-17	115.50	
302	LK-05	LK5-18	SH1	SH5-18	115.50	
303	LK-05	LK5-19	SH3	SH5-19	136.47	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871014 ngày 10/11/2022
304	LK-06	LK6-2	SH2	SH6-2	162.35	
305	LK-06	LK6-3	SH1.M	SH6-3	115.50	
306	LK-06	LK6-4	SH1	SH6-4	115.50	
307	LK-06	LK6-5	SH2.M	SH6-5	160.50	
308	LK-06	LK6-6	SH2	SH6-6	160.50	
309	LK-06	LK6-7	SH1.M	SH6-7	115.50	
310	LK-06	LK6-8	SH1.M	SH6-8	115.50	
311	LK-06	LK6-9	SH1.M	SH6-9	115.50	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
312	LK-06	LK6-10	SH1.M	SH6-10	115.50	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871014 ngày 10/11/2022
313	LK-06	LK6-11	SH1.M	SH6-11	115.50	
314	LK-06	LK6-12	SH2.M	SH6-12	160.50	
315	LK-06	LK6-13	SH2	SH6-13	160.50	
316	LK-06	LK6-14	SH1.M	SH6-14	115.50	
317	LK-06	LK6-15	SH1.M	SH6-15	115.50	
318	LK-06	LK6-16	SH1.M	SH6-16	115.50	
319	LK-06	LK6-17	SH1.M	SH6-17	115.50	
320	LK-06	LK6-18	SH2.M	SH6-18	160.50	
321	LK-06	LK6-19	SH2	SH6-19	160.50	
322	LK-06	LK6-20	SH1.M	SH6-20	115.50	
323	LK-06	LK6-21	SH1	SH6-21	115.50	
324	LK-06	LK6-22	SH2.M	SH6-22	160.50	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871903 ngày
325	LK-07	LK7-2	SH2	SH7-2	174.16	
326	LK-07	LK7-3	SH1	SH7-3	115.50	
327	LK-07	LK7-4	SH1	SH7-4	115.50	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
						10/11/2022
328	LK-07	LK7-5	SH1	SH7-5	115.50	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871903 ngày 10/11/2022
329	LK-07	LK7-6	SH2.M	SH7-6	160.50	
330	LK-07	LK7-7	SH2	SH7-7	160.50	
331	LK-07	LK7-8	SH1	SH7-8	115.50	
332	LK-07	LK7-9	SH1	SH7-9	115.50	
333	LK-07	LK7-10	SH1	SH7-10	115.50	
334	LK-07	LK7-11	SH1	SH7-11	115.50	
335	LK-07	LK7-12	SH1	SH7-12	115.50	
336	LK-07	LK7-13	SH2.M	SH7-13	160.50	
337	LK-07	LK7-14	SH2	SH7-14	160.50	
338	LK-07	LK7-15	SH1	SH7-15	115.50	
339	LK-07	LK7-16	SH1	SH7-16	115.50	
340	LK-07	LK7-17	SH1	SH7-17	115.50	
341	LK-07	LK7-18	SH1	SH7-18	115.50	
342	LK-07	LK7-19	SH1	SH7-19	115.50	

STT	Tên lô đất	Vị trí lô đất	Tên mẫu nhà	Mã căn	Diện tích lô đất (m2)	Ghi chú
	Theo bản vẽ cấp phép xây dựng đã được xã Như Quỳnh cấp phép xây dựng tại Giáp phép xây dựng số 27/GPXD-UBND ngày 15/6/2026					
343	LK-07	LK7-20	SH2.M	SH7-20	160.50	Đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI871903 ngày 10/11/2022
344	LK-07	LK7-21	SH2	SH7-21	160.50	
345	LK-07	LK7-22	SH1	SH7-22	115.50	
346	LK-07	LK7-23	SH1	SH7-23	115.50	
347	LK-07	LK7-24	SH1	SH7-24	115.50	
348	LK-07	LK7-25	SH1	SH7-25	115.50	
349	LK-07	LK7-26	SH2.M	SH7-26	159.25	